

Số: 61 /TB-TCT

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 8 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRONG 24 GIỜ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

Địa chỉ: Số 02, đường Vũ Quang, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số điện thoại: 0239.3855603

Số fax: 0239.3855606

Website: www.mitraco.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Phùng Văn Tân

Địa chỉ thường trú: Khối 13 (nay là Tổ DP9), TT Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

Số điện thoại: 0913.547735

Số fax: 0239.3855606

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 19/8/2021, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP xin gửi kèm Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đến Quý cơ quan và đăng tải trên trang thông tin của MTA theo quy định pháp luật hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD (B/c);
- Website: www.mitraco.com.vn;
- Lưu VT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin



Phùng Văn Tân

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP;

Căn cứ Thông báo kết luận số 270/TB-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc thống nhất nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP tổ chức ngày 19/8/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các nội dung sau:

1. Kết quả SXKD năm 2020:

| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh TH/KH (%) |
|----|---------------------------|------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.200 | 1.515,1 | 124,19 |
| 2 | Kim ngạch xuất khẩu | \$ | 1.500.000 | 2.151.000 | 143,4 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 15 | 170,54 | 1.136,95 |
| 4 | Nộp NS các loại thuế, phí | Tỷ đồng | 30 | 49,5 | 164,82 |
| 5 | Thu nhập bình quân | đ/ng/tháng | 7.000.000 | 7.500.000 | 107,14 |

2. Các chỉ tiêu và nội dung khác:

- Tình hình thực hiện đầu tư: Tổng giá trị đầu tư năm 2020 là 1,2 tỷ đồng, cụ thể:

| TT | Tên dự án | Kế hoạch (Tỷ đồng) | Thực hiện (Tỷ đồng) | Đạt (%) |
|----|--|--------------------|---------------------|---------|
| 1 | Dự án nhà ở công nhân &NLĐ thuê tại Vũng Áng | 21 | 0 | 0 |

| TT | Tên dự án | Kế hoạch (Tỷ đồng) | Thực hiện (Tỷ đồng) | Đạt (%) |
|----|--|-----------------------|------------------------|-------------|
| 2 | Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ sản xuất kinh doanh | 10 | 1,2 | 12 |
| 3 | Nâng cấp tòa nhà Văn phòng Tổng công ty | 3 | 0 | 0 |
| 4 | Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng | 10 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 44 | 1,2 | 2,73 |

Nguyên nhân thực hiện đầu tư đạt thấp: Do tình hình khó khăn chung từ dịch Covid 19 diễn biến phức tạp khó lường, dịch bệnh từ gia súc gia cầm bùng phát nên công tác đầu tư tạm thời chưa thực hiện trong năm, chỉ thực hiện mua 01 xe ô tô để phục vụ yêu cầu đi lại trong công việc của Văn phòng Tổng công ty.

- Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tín dụng, huy động vốn năm 2020:

+ Tín dụng: Trả nợ cho các Ngân hàng: 109 tỷ đồng/KH 86 tỷ đồng, đạt 126,7 %. Trong đó: Nợ gốc: 105,3 tỷ đồng; Nợ lãi: 3,7 tỷ đồng.

+ Huy động vốn: Vốn vay trung, dài hạn và vốn huy động khác: 0 tỷ đồng/KH 10 tỷ đồng, đạt 0 %; Vốn vay ngắn hạn: 63 tỷ đồng/KH 110 tỷ đồng, đạt 57,3%.

3. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021.

3.1. Kế hoạch SXKD:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2021 | Ghi chú |
|----|----------------|------------|-------------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.400 | |
| 2 | Kim ngạch XK | USD | 1.000.000 | |
| 3 | LN sau thuế | Tỷ đồng | 50 | |
| 4 | Nộp NS | Tỷ đồng | 40 | |
| 5 | Thu nhập BQ | đ/ng/tháng | 7.600.000 | |

3.2. Kế hoạch đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là: 100 tỷ đồng, chi tiết:

| Stt | Tên dự án | Số tiền đầu tư (tỷ đồng) | Ghi chú |
|-----|--|-----------------------------|---------|
| 1 | Dự án nhà ở công nhân & NLĐ thuê tại Vũng Áng | 0 | |
| 2 | Mua sắm, đầu tư, SCL TSCĐ PVSX kinh doanh và đầu tư khác | 2 | |
| 3 | Nâng cấp tòa nhà văn phòng TCT | 4 | |
| 4 | Dự án ĐTXD trung tâm Logistics Vũng Áng GD1 | 0 | |
| 5 | Dự án trung tâm lợn giống CLC Mitraco Kỳ Lâm | 88 | |
| 6 | Điều chỉnh dự án chăn nuôi tại Cẩm Sơn | 6 | |
| | Tổng cộng | 100 | |

4. Kế hoạch Tài chính, Tín dụng, Huy động vốn năm 2021:

4.1. Kế hoạch Tài chính:

- Doanh thu: 1.400 tỷ đồng
- Chi phí: 1.350 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 50 tỷ đồng

4.2. Kế hoạch Tín dụng (Công ty mẹ) :

- Trả nợ cho các Ngân hàng: 17,2 tỷ đồng
- Trong đó: + Nợ gốc: 13,6 tỷ đồng
+ Nợ lãi: 3,6 tỷ đồng

4.3. Kế hoạch Huy động vốn (Công ty mẹ): 40 tỷ đồng.

- Huy động vốn vay dài hạn và vốn huy động khác: 20 tỷ đồng
- Huy động vốn vay ngắn hạn: 20 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2021.

(theo Báo cáo trong tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Điều 3. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021.

(theo Báo cáo trong tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành với các chỉ tiêu chính:

1. Bảng cân đối kế toán:

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ | | HN Tổng công ty | |
|----|----------------------------------|--------------------------|------------|--------------------------|------------|
| | | Giá trị | tỷ lệ(%) | Giá trị | tỷ lệ(%) |
| 1 | Tổng tài sản | 1.340.034.979.562 | 100 | 1.993.678.326.363 | 100 |
| - | Tài sản ngắn hạn | 159.016.651.854 | 11,87 | 555.212.626.988 | 27.85 |
| - | Tài sản dài hạn | 1.181.018.327.708 | 88,13 | 1.438.465.699.375 | 72.15 |
| 2 | Tổng nguồn vốn | 1.340.034.979.562 | 100 | 1.993.678.326.363 | 100 |
| - | Nợ phải trả | 197.891.416.604 | 14,77 | 678.881.497.550 | 34.05 |
| - | Vốn chủ sở hữu | 1.142.143.562.958 | 85,23 | 1.314.796.828.813 | 65.95 |
| | Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu | 1.101.135.914.618 | | 1.101.135.914.618 | |

2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ | HN Tổng công ty |
|----|-------------------------------|-----------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 254.329.456.695 | 1.240.225.950.691 |
| 2 | Lợi nhuận gộp | -2.888.629.504 | 281.439.935.222 |
| 3 | Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần | | |
| 4 | Thu nhập tài chính | 33.888.028.148 | 10.826.329.387 |



| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ | HN Tổng công ty |
|----|--------------------------------|-----------------|-----------------|
| 5 | Chi phí tài chính | -15.533.803.030 | 23.091.111.119 |
| - | Trong đó: Chi phí lãi vay | 5.352.933.404 | 22.786.795.503 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 5.378.170.242 | 30.253.218.131 |
| 7 | Chi phí quản lý | 40.539.481.019 | 80.762.521.392 |
| 8 | Lợi nhuận kinh doanh | 615.550.413 | 159.339.900.381 |
| 9 | Lợi nhuận khác | 6.187.195.890 | 3.791.743.765 |
| 10 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 6.802.746.303 | 163.131.644.146 |
| 11 | Thuế TNDN | 0 | 9.608.585.485 |
| 12 | Chi phí thuế TN hoãn lại | 0 | -1.409.071.348 |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | 6.802.746.303 | 154.932.130.009 |
| 14 | Lợi nhuận của cổ đông thiểu số | | 76.519.834.337 |
| 15 | Lợi nhuận của Công ty mẹ | | 78.412.295.672 |

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|----|--|------|----------------|
| 1 | Tổng lợi nhuận được phân phối | Đồng | 18.848.085.436 |
| - | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | Đồng | 12.045.339.133 |
| - | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay (2020) | Đồng | 6.802.746.303 |
| 2 | Trích lập các quỹ: | Đồng | 5.393.823.000 |
| - | Quỹ đầu tư phát triển (trích 30% LNST năm 2020) | Đồng | 2.040.823.000 |
| - | Quỹ khen thưởng phúc lợi (trích 3 tháng lương) | Đồng | 2.853.000.000 |
| - | Quỹ khen thưởng BDH hoàn thành vượt KH lợi nhuận | Đồng | 500.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (1)-(2) | Đồng | 13.454.262.436 |
| 4 | Phân phối cổ tức cho cổ đông | Đồng | 0 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau = (3)-(4) | Đồng | 13.454.262.436 |

- Do lợi nhuận còn lại ít nên chưa phân phối.

Điều 6. Thông qua quyết toán chi phí trả lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2020; Kế hoạch chi phí trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2021:

1. Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Chức danh | Số người | Kế hoạch | Thực hiện | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----|-----------|----------|----------|-----------|-------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7) |
| I | Quỹ lương | | 744 | 731,909 | -12,091 | |

| TT | Chức danh | Số người | Kế hoạch | Thực hiện | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|-----------|--------------|------------------|----------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7) |
| I | Quỹ lương | | 744 | 731,909 | -12,091 | |
| - | Chủ tịch HĐQT | 1 | 324 | 324 | 0 | |
| - | Trưởng ban kiểm soát | 1 | 180 | 176,591 | -3,409 | |
| - | Thành viên BKS | 2 | 240 | 231,318 | -8,682 | |
| II | Quỹ thù lao | | 336 | 316 | -20 | |
| - | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 5 | 300 | 280 | -20 | |
| - | Thư ký HĐQT | 2 | 36 | 36 | 0 | |
| | Cộng | 11 | 1.080 | 1.047,909 | -32,091 | |

- Thanh toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS Tổng công ty: Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thanh toán chi trả.

2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2021:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD (doanh thu, lợi nhuận) của Tổng công ty hoàn thành $\geq 100\%$ kế hoạch năm, dự toán tổng mức Lương, thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát Tổng công ty tối đa như sau:

DVT: triệu đồng

| TT | Chức danh | Số người | Mức quỹ lương, thù lao/tháng | Thành tiền |
|----------|------------------------------------|-----------|------------------------------|--------------|
| 1 | Quỹ lương | | | 888 |
| - | Chủ tịch HĐQT | 1 | 33 | 396 |
| - | Trưởng Ban kiểm soát | 1 | 19 | 228 |
| - | Thành viên BKS | 2 | 11 | 264 |
| 2 | Quỹ thù lao | | | 396 |
| - | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 5 | 6 | 360 |
| - | Thư ký HĐQT | 2 | 1,5 | 36 |
| | Cộng | 11 | | 1.284 |

- Khi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Tổng công ty $< 100\%$ kế hoạch năm: Lương của Chủ tịch hội đồng quản trị, lương thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành Tổng công ty, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát căn cứ vào tình hình thực tế và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2021

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty sau khi có đề xuất của Tổng giám đốc Tổng công ty lựa chọn một trong 3 công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2021:

- Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA);
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí và thông qua toàn văn với tỷ lệ biểu quyết 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cổ đông Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- UBCKNN; (B/c)
- Sở GD&ĐT HN; (B/c)
- Webservice: mitraco.com.vn;
- Lưu VT, Thư ký TCT.



TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Trương Hữu Trung

BIÊN BẢN

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP
Giấy chứng nhận đăng ký DN: GĐKDN số: 3000310977 – Đăng ký lần đầu: ngày 04/3/1014; Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 03/3/2020; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh.
Trụ sở chính: Số 2 Vũ Quang – Thành phố Hà Tĩnh – Tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 02393.855603 Fax: 02393.855606

Vào hồi 08 giờ, ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Văn phòng Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP, Số 02 Vũ Quang, thành phố Hà Tĩnh, Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (cuộc họp ĐHĐCĐ). Cuộc họp gồm có các nội dung sau:

II. THỦ TỤC - KHAI MẠC

1. Đại biểu khách mời dự đại hội:

- Ông Nguyễn Quang Linh; Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh
- Ông Trần Viết Sao; Phó Trưởng phòng Đăng ký Doanh nghiệp - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tĩnh.
- Bà Võ Thị Linh Nhâm; Phó Trưởng phòng Lao động việc làm - Sở Lao động Thương binh & Xã hội Hà Tĩnh.

2. Thành phần tham dự Đại hội

- Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc cùng quý vị cổ đông, đại diện cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP.

3. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội

Ông Phùng Văn Tân – Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty, Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

Cổ đông được mời tham dự đại hội gồm toàn bộ cổ đông tính đến thời gian chốt danh sách cổ đông ngày 15/4/2021 bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam có 450 cổ đông; sở hữu 110.113.591 cổ phần.

Tính đến 8 giờ ngày 19/8/2021, số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại hội: 21 cổ đông

Trong đó: + Tham dự trực tiếp: **20** cổ đông

+ Ủy quyền tham dự: **01** cổ đông

Đại diện cho quyền sở hữu: **107.527.416** cổ phần, bằng **97,65 %** số lượng cổ phần của Tổng công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Tổng công ty với thành phần tham dự và số cổ phần sở hữu và đại diện như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành đại hội.

3. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức đại hội. Giới thiệu Đoàn chủ tịch và bầu thư ký đại hội:

- Ông Đào Anh Dũng; Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty, thay mặt Ban tổ chức thông qua Quy chế đại hội, thông qua Chương trình đại hội và được Đại hội biểu quyết 100% đồng ý thông qua.

*** Giới thiệu Đoàn chủ tịch Đại hội:**

(1) Ông Trương Hữu Trung - Chủ tịch HĐQT

(2) Ông Lê Việt Thảo - TV HĐQT ; Tổng giám đốc

* **Thư ký** : Ông Đào Anh Dũng - Thành viên BKS, thư ký TCT

4. Khai mạc Đại hội

Thay mặt Đoàn Chủ tịch; ông Trương Hữu Trung; Chủ tịch Hội đồng quản trị đọc diễn văn khai mạc, giới thiệu đại biểu.

III. THÔNG QUA BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Bà Nguyễn Thị Hà; Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc trình bày: Báo cáo kết quả công tác quản trị của HĐQT, kết quả SXKD năm 2020; Triển khai nhiệm vụ năm 2021.

2. Ông Phùng Văn Tân; Trưởng Ban kiểm soát trình bày: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021.

(Báo cáo đã được gửi cho các cổ đông trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

IV. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN.

*** Ý kiến của cổ đông Phan Duy Dũng (MS:281):**

- Về báo cáo cần có báo cáo riêng của Hội đồng quản trị. Nội dung Báo cáo Hội đồng quản trị cần nêu rõ được tinh thần chỉ đạo, quán triệt các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 như thế nào, kết quả đạt được ra sao, nội dung gì chưa làm được. Hiện nay mới chỉ có báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về lương, thù lao, phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát: Căn cứ vào Nghị định 53 của Chính phủ, Thông tư 28 của Bộ Lao động Thương Binh xã hội về mức lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát có nêu rõ các mức cho thành viên HĐQT chuyên trách, không

chuyên trách; hoàn thành kế hoạch, không hoàn thành KH và hoàn thành vượt kế hoạch. Vậy tại sao không áp dụng các quy định của nhà nước.

- Căn cứ vào Quy định nào để không phân phối lợi nhuận năm 2020 cho cổ đông.

*** Ý kiến trả lời của Chủ trì Đại hội về ý kiến của cổ đông Phan Duy Dũng (MS:281):**

- Về báo cáo của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thống nhất lồng ghép kết quả hoạt động của HĐQT và Báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD thành một báo cáo để giảm tải thời gian trong điều kiện dịch bệnh covid, nội dung của báo cáo đã đảm bảo đầy đủ các nội dung.

- Về nội dung không phân phối lợi nhuận năm 2020 cho cổ đông:

Căn cứ Thông tư số: 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính tại mục đ, Điều 74. Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2020 còn lỗ lũy kế nên không phân phối lợi nhuận năm 2020. Nội dung này Tổng Công ty đã gửi Tờ trình cho Chủ sở hữu để xin ý kiến trong đó có phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và đã được chấp thuận.

- Ý kiến giải đáp của Bà Võ Thị Linh Nhâm; Phó Trưởng phòng Lao động việc làm - Sở Lao động Thương binh & Xã hội Hà Tĩnh (đại diện khách mời): Giải đáp về lương, thù lao, tiền thưởng HĐQT, Ban kiểm soát: Tổng Công ty đã gửi văn bản đề xin ý kiến các Sở, Ngành về vấn đề mức lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát như sau:

- Tất cả các vấn đề về lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, Ban kiểm soát tại các Công ty cổ phần nhà nước nắm chi phối đều phải xin ý kiến của chủ sở hữu. Căn cứ Nghị định 53, Thông tư 28, năm 2020 kết quả SXKD Tổng công ty đều đạt và vượt kế hoạch. Đảm bảo đủ điều kiện chi trả lương, thù lao cho HĐQT. Cụ thể: theo Quy định Chủ tịch HĐQT được chi trả mức lương không vượt quá 36 triệu đồng, tuy nhiên trong mức đề xuất khiêm tốn, thấp hơn quy định (mức đề xuất 27 triệu đồng). Như vậy việc áp dụng Quy định nhà nước về chi trả tiền lương tại Tổng công ty được thực hiện đúng quy định.

V. THÔNG QUA NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

1. Ông Trương Hữu Trung; Chủ tịch HĐQT đọc Tờ trình đề nghị đại hội thông qua các nội dung sau:

- Kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch năm 2021;

- Báo cáo tình hình quản trị, kết quả SXKD năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021

- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra giám sát năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2021;

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán;

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;

- Kế hoạch đầu tư và tài chính năm 2021;
- Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký TCT thực hiện năm 2020 và Kế hoạch năm 2021;

2. Ông Phùng Văn Tân; Trưởng Ban kiểm soát đọc Tờ trình đề nghị đại hội thông qua nội dung sau:

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

(Nội dung các Tờ trình đã được gửi cho các cổ đông trong tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).

VI. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC TỜ TRÌNH

Nội dung thứ 1: Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các nội dung sau:

1. Kết quả SXKD năm 2020:

| TT | Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2020 | Thực hiện 2020 | So sánh TH/KH (%) |
|----|---------------------------|------------|---------------|----------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu | Tỷ đồng | 1.200 | 1.515,1 | 124,19 |
| 2 | Kim ngạch xuất khẩu | \$ | 1.500.000 | 2.151.000 | 143,4 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 15 | 170,54 | 1.136,95 |
| 4 | Nộp NS các loại thuế, phí | Tỷ đồng | 30 | 49,5 | 164,82 |
| 5 | Thu nhập bình quân | đ/ng/tháng | 7.000.000 | 7.500.000 | 107,14 |

2. Các chỉ tiêu và nội dung khác:

- Tình hình thực hiện đầu tư: Tổng giá trị đầu tư năm 2020 là 1,2 tỷ đồng, cụ thể:

| TT | Tên dự án | Kế hoạch (Tỷ đồng) | Thực hiện (Tỷ đồng) | Đạt (%) |
|------------------|--|--------------------|---------------------|-------------|
| 1 | Dự án nhà ở CN & NLD thuê tại Vũng Áng | 21 | 0 | 0 |
| 2 | Mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ sản xuất kinh doanh | 10 | 1,2 | 12 |
| 3 | Nâng cấp tòa nhà VP TCT | 3 | 0 | 0 |
| 4 | Dự án ĐTXD Trung tâm Logistics Vũng Áng | 10 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | | 44 | 1,2 | 2,73 |

Nguyên nhân thực hiện đầu tư đạt thấp: Do tình hình khó khăn chung từ dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khó lường, dịch bệnh từ gia súc gia cầm bùng phát nên công tác đầu tư tạm thời chưa thực hiện trong năm, chỉ thực hiện mua 01 xe ô tô để phục vụ yêu cầu đi lại trong công việc của Văn phòng Tổng công ty.

- Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu tín dụng, huy động vốn năm 2020:

+ Tín dụng: Trả nợ cho các Ngân hàng: 109 tỷ đồng/KH 86 tỷ đồng, đạt 126,7 %. Trong đó: Nợ gốc: 105,3 tỷ đồng; Nợ lãi: 3,7 tỷ đồng.

+ Huy động vốn: Vốn vay trung, dài hạn và vốn huy động khác: 0 tỷ đồng/KH 10 tỷ đồng, đạt 0 %; Vốn vay ngắn hạn: 63 tỷ đồng/KH 110 tỷ đồng, đạt 57,3%.

3. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2021.

3.1. Kế hoạch SXKD:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch năm 2021 | Ghi chú |
|----|----------------|------------|-------------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 1.400 | |
| 2 | Kim ngạch XK | USD | 1.000.000 | |
| 3 | LN sau thuế | Tỷ đồng | 50 | |
| 4 | Nộp NS | Tỷ đồng | 40 | |
| 5 | Thu nhập BQ | đ/ng/tháng | 7.600.000 | |

3.2. Kế hoạch đầu tư:

Tổng giá trị đầu tư năm 2021 dự kiến là: 100 tỷ đồng, chi tiết:

| Stt | Tên dự án | Số tiền đầu tư (tỷ đồng) | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|---------|
| 1 | Dự án nhà ở công nhân & NLĐ thuê tại Vũng Áng | 0 | |
| 2 | Mua sắm, đầu tư, SCL TSCĐ PVSX kinh doanh và đầu tư khác | 2 | |
| 3 | Nâng cấp tòa nhà văn phòng TCT | 4 | |
| 4 | Dự án ĐTXD trung tâm Logistics Vũng Áng GD1 | 0 | |
| 5 | Dự án trung tâm lợn giống CLC Mitraco Kỳ Lâm | 88 | |
| 6 | Điều chỉnh dự án chăn nuôi tại Cẩm Sơn | 6 | |
| | Tổng cộng | 100 | |

4. Kế hoạch Tài chính, Tín dụng, Huy động vốn năm 2021:

4.1. Kế hoạch Tài chính:

- Doanh thu: 1.400 tỷ đồng
- Chi phí: 1.350 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 50 tỷ đồng

4.2. Kế hoạch Tín dụng (Công ty mẹ):

- Trả nợ cho các Ngân hàng: 17,2 tỷ đồng
- Trong đó: + Nợ gốc: 13,6 tỷ đồng
+ Nợ lãi: 3,6 tỷ đồng

4.3. Kế hoạch Huy động vốn (Công ty mẹ): 40 tỷ đồng.

- Huy động vốn vay dài hạn và vốn huy động khác: 20 tỷ đồng
- Huy động vốn vay ngắn hạn: 20 tỷ đồng

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.527.416 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2021. (theo Báo cáo trong tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.446.116 cổ phần, bằng 99,94 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 3: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021. (theo Báo cáo trong tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 4: Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành với các chỉ tiêu chính:

1. Bảng cân đối kế toán:

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ | | HN Tổng công ty | |
|----|----------------------------------|--------------------------|------------|--------------------------|------------|
| | | Giá trị | tỷ lệ(%) | Giá trị | tỷ lệ(%) |
| 1 | Tổng tài sản | 1.340.034.979.562 | 100 | 1.993.678.326.363 | 100 |
| - | Tài sản ngắn hạn | 159.016.651.854 | 11,87 | 555.212.626.988 | 27.85 |
| - | Tài sản dài hạn | 1.181.018.327.708 | 88,13 | 1.438.465.699.375 | 72.15 |
| 2 | Tổng nguồn vốn | 1.340.034.979.562 | 100 | 1.993.678.326.363 | 100 |
| - | Nợ phải trả | 197.891.416.604 | 14,77 | 678.881.497.550 | 34.05 |
| - | Vốn chủ sở hữu | 1.142.143.562.958 | 85,23 | 1.314.796.828.813 | 65.95 |
| | Trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu | 1.101.135.914.618 | | 1.101.135.914.618 | |

2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh:

| TT | Chỉ tiêu | Công ty mẹ | HN Tổng công ty |
|----|--------------------------------|-----------------|-------------------|
| 1 | Doanh thu thuần | 254.329.456.695 | 1.240.225.950.691 |
| 2 | Lợi nhuận gộp | -2.888.629.504 | 281.439.935.222 |
| 3 | Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần | | |
| 4 | Thu nhập tài chính | 33.888.028.148 | 10.826.329.387 |
| 5 | Chi phí tài chính | -15.533.803.030 | 23.091.111.119 |
| - | Trong đó: Chi phí lãi vay | 5.352.933.404 | 22.786.795.503 |
| 6 | Chi phí bán hàng | 5.378.170.242 | 30.253.218.131 |
| 7 | Chi phí quản lý | 40.539.481.019 | 80.762.521.392 |
| 8 | Lợi nhuận kinh doanh | 615.550.413 | 159.339.900.381 |
| 9 | Lợi nhuận khác | 6.187.195.890 | 3.791.743.765 |
| 10 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 6.802.746.303 | 163.131.644.146 |
| 11 | Thuế TNDN | 0 | 9.608.585.485 |
| 12 | Chi phí thuế TN hoãn lại | 0 | -1.409.071.348 |
| 13 | Lợi nhuận sau thuế | 6.802.746.303 | 154.932.130.009 |
| 14 | Lợi nhuận của cổ đông thiểu số | | 76.519.834.337 |

| | | | |
|----|--------------------------|--|----------------|
| 15 | Lợi nhuận của Công ty mẹ | | 78.412.295.672 |
|----|--------------------------|--|----------------|

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Số tiền |
|----|--|------|----------------|
| 1 | Tổng lợi nhuận được phân phối | Đồng | 18.848.085.436 |
| - | Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | Đồng | 12.045.339.133 |
| - | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay (2020) | Đồng | 6.802.746.303 |
| 2 | Trích lập các quỹ: | Đồng | 5.393.823.000 |
| - | Quỹ đầu tư phát triển (trích 30% LNST năm 2020) | Đồng | 2.040.823.000 |
| - | Quỹ khen thưởng phúc lợi (trích 3 tháng lương) | Đồng | 2.853.000.000 |
| - | Quỹ khen thưởng BDH hoàn thành vượt KH lợi nhuận | Đồng | 500.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối = (1)-(2) | Đồng | 13.454.262.436 |
| 4 | Phân phối cổ tức cho cổ đông | Đồng | 0 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau = (3)-(4) | Đồng | 13.454.262.436 |

- Do lợi nhuận còn lại ít nên chưa phân phối.

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 6: Thông qua quyết toán chi phí trả lương, thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2020; Dự toán chi phí trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2021:

1. Quyết toán chi trả lương, phụ cấp và thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2020:

ĐVT: Triệu đồng

| TT | Chức danh | Số người | Kế hoạch | Thực hiện | Chênh lệch | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------|-----------|--------------|------------------|----------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=(5)-(4) | (7) |
| I | Quỹ lương | | 744 | 731,909 | -12,091 | |
| - | Chủ tịch HĐQT | 1 | 324 | 324 | 0 | |
| - | Trưởng ban kiểm soát | 1 | 180 | 176,591 | -3,409 | |
| - | Thành viên BKS | 2 | 240 | 231,318 | -8,682 | |
| II | Quỹ thù lao | | 336 | 316 | -20 | |
| - | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 5 | 300 | 280 | -20 | |
| - | Thư ký HĐQT | 2 | 36 | 36 | 0 | |
| | Cộng | 11 | 1.080 | 1.047,909 | -32,091 | |

- Thanh toán chi trả lương, thù lao HĐQT, BKS Tổng công ty: Giao Tổng giám đốc Tổng công ty thanh toán chi trả.

2. Kế hoạch chi trả lương, thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký Tổng công ty năm 2021:

- Khi tỷ lệ hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD (doanh thu, lợi nhuận) của Tổng công ty hoàn thành $\geq 100\%$ kế hoạch năm, dự toán tổng mức Lương, thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát Tổng công ty tối đa như sau:

DVT: triệu đồng

| TT | Chức danh | Số người | Mức quỹ lương, thù lao/tháng | Thành tiền |
|----------|------------------------------------|-----------|------------------------------|--------------|
| 1 | Quỹ lương | | | 888 |
| - | Chủ tịch HĐQT | 1 | 33 | 396 |
| - | Trưởng Ban kiểm soát | 1 | 19 | 228 |
| - | Thành viên BKS | 2 | 11 | 264 |
| 2 | Quỹ thù lao | | | 396 |
| - | Thành viên HĐQT không chuyên trách | 5 | 6 | 360 |
| - | Thư ký HĐQT | 2 | 1,5 | 36 |
| | Cộng | 11 | | 1.284 |

- Khi các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của Tổng công ty $< 100\%$ kế hoạch năm: Lương của Chủ tịch hội đồng quản trị, lương thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành Tổng công ty, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát căn cứ vào tình hình thực tế và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

Nội dung thứ 7: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2021

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Tổng công ty sau khi có đề xuất của Tổng giám đốc Tổng công ty lựa chọn một trong 3 công ty kiểm toán sau đây để kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2021:

- Công ty TNHH kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA);
- Công ty TNHH kiểm toán An Việt.

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

VII. THÔNG QUA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ông Đào Anh Dũng; Thư ký đại hội thông qua toàn văn Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh – CTCP năm 2021.

(Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: 107.612.821 cổ phần, bằng 100 % số cổ phần tham dự/ủy quyền tham dự có quyền biểu quyết tại đại hội)

VIII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Ông Trương Hữu Trung; Chủ tịch HĐQT; Chủ trì đại hội thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc đại hội.

Biên bản được lập vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 19/8/2021 được Chủ tọa và Thư ký đại hội cùng ký vào biên bản.

THƯ KÝ



Đào Anh Dũng

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Trương Hữu Trung

Nơi nhận:

- Cổ đông Mitraco;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT HN (B/c);
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Webservice: mitraco.com.vn;
- Lưu VT, Thư ký TCT.

